

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2026/HNGĐ-PT  
Ngày 06-4-2026  
V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DÔNG  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Võ Thị Mỹ Hạnh.

*Các Thẩm phán:* Bà Phạm Thị Thu Phương,

Ông Vũ Tùng Lâm.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Bùi Trường An – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Mai Thị Thanh Hòa - Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý 26/2026/TLPT-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2026 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”.

Do Bản án sơ thẩm số 22/2026/HNGĐ-ST ngày 13 tháng 01 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực S, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1552/2026/QĐ-PT ngày 12 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Hoàng Thị M**, sinh năm 1995. (Có mặt)

Thường trú: **Số H, khu phố Đ, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.**

- *Bị đơn:* Ông **Trịnh Minh T**, sinh năm 1991. (Có mặt)

Thường trú: **Số H, khu phố Đ, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.**

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư **Trịnh Xuân K** – Luật sư **Công ty L1**, thuộc **Đoàn Luật sư Thành phố H**. (Có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông **Hoàng Văn L**, sinh năm 1957 và bà **Hoàng Thị H**, sinh năm 1962. (Vắng mặt)

Thường trú: **Thôn S, xã B, tỉnh Quảng Trị.**

Do có kháng cáo của bị đơn ông **Trịnh Minh T**.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tóm tắt nội dung vụ án và quyết định của bản án sơ thẩm như sau:*

Theo đơn khởi kiện ngày 11/8/2025, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà **Hoàng Thị M** trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà **Hoàng Thị M** và ông **Trịnh Minh T** tự nguyện yêu nhau, có tổ chức lễ cưới và đăng ý kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường **V**, thành phố **T**, tỉnh Bình Dương (nay là phường **B**, Thành Phố Hồ Chí Minh), theo Giấy chứng nhận kết hôn số 07/2020 ngày 12/02/2020.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng bố mẹ chồng ở địa chỉ: **Số H, khu phố Đ, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh** được 01 tháng thì bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng xin ra ngoài ở trọ. Đến năm 2022, khi đang cao điểm dịch covid, bà **M** đang nuôi con nhỏ, ông **T** nghe lời mẹ chồng tính ly hôn với bà nên về nhà ba mẹ chồng ở, bỏ mặc bà và con nhỏ ở nhà trọ. Hết dịch ông **T** mới ra ở lại với vợ con, phần vì thương con nên bà bỏ qua, sau đó bà có bầu cháu thứ 2 và về ngoại sinh. Tháng 01/2023 bà và ông **T** về ở lại với bố mẹ chồng. Tháng 11/2023, bà phát hiện ông **T** cầm xe máy của hai vợ chồng, tháng 01/2024 gia đình phát hiện chơi game, cá độ trực tuyến trên điện thoại, sau đó bị công ty đuổi việc, nhiều người đến nhà và nhấn tin đòi nợ. Do nợ nần quá nhiều, ông **T** không có tiền trả nên bỏ nhà đi 01 đến 02 tuần, về sau bà và gia đình chồng đứng ra trả nợ thì mới quay về. Tuy nhiên, ông **T** không lấy đó làm bài học mà tiếp tục cầm xe đến lần thứ 4 thì bà không còn khả năng trả nợ nên ông **T** bán lại xe cho tiệm cầm đồ trừ nợ. Đến tháng 5/2024, bà quyết định nộp đơn ly hôn, khi đó ông **T** đồng ý nhưng khi đến Tòa hòa giải gia đình nói bà cho ông **T** một cơ hội để sửa sai và ông **T** cam kết thay đổi nên bà rút đơn về. Sau đó, ông **T** vẫn không thay đổi, ông **T** đi làm lại nhưng cũng không giúp bà đưa rước con, hàng tháng làm được tiền không phụ bà chăm con mà tiêu xài cá nhân, thờ ơ với vợ con. Khi bà hỏi thì nói công ty nợ lương, nhưng bà đến công ty xác minh thì công ty xác định vẫn trả lương đầy đủ. Tháng 7/2025 bà dẫn 02 con về quê để xin thủ tục nhập học ở quê. Trước khi bà về thì có nói chuyện với ông **T** về việc dẫn hai cháu về quê học, sau khi xin trường học ổn thì bà sẽ vào để làm đơn ly hôn, khi nào Tòa giải quyết cho ly hôn thì bà sẽ chuyển về quê ở hẳn để chăm sóc hai con. Nay bà xác định không còn tình cảm với ông **T** nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông **T**.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên là **Trịnh Thiên K1**, sinh ngày 04/8/2020 và **Trịnh Thiên T1**, sinh ngày 17/9/2022. Sau khi ly hôn, bà **M** yêu cầu là người trực tiếp nuôi dưỡng 02 cháu và không yêu cầu ông **T** có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Lý do bà yêu cầu được nuôi hai con là để hai cháu được ở gần nhau vì từ trước đến nay hai cháu chung sống và lớn lên cùng nhau, hai cháu **Thiên K1** và **Thiên T1** đều là con gái, hiện còn nhỏ, đang học ổn định tại trường **Mầm non V**, các cháu cần được duy trì cuộc sống ổn định có sự gần gũi, chăm sóc của mẹ, việc chia tách các cháu sẽ làm xáo trộn cuộc sống hiện tại của hai cháu. Bản thân bà có công việc và thu nhập ổn định, bà hiện tại đang đi làm quản lý cửa hàng và quản lý kho của Công ty **TNHH C1** với mức lương 25 triệu đồng/tháng. Việc bà hiện nay không ở gần các cháu là vì bà đang làm thủ tục ly hôn tại Tòa án, xong vụ án bà sẽ chuyển về quê hẳn để chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu. Khi chuyển các cháu về quê bà đã chuẩn bị cuộc sống cũng như việc học hành của các cháu, không để các cháu bị đứt quãng việc học ở trường, hàng tháng bà đều gửi tiền về cho cháu. Đối với ông **T**, từ tháng 10/2023 đến nay ông **T** đi làm nhưng không đưa lương phụ vợ nuôi con, mọi việc trong gia đình ăn uống, học hành, chăm sóc các con đều do bà lo liệu. Thậm chí từ khi bà đưa hai cháu về quê, ông **T** cũng không lần nào về quê thăm con cũng như gọi điện thoại hỏi thăm con cái. Hiện tại ông **T** có đi làm nhưng nợ nần, chơi game, thờ ơ, không có trách

nhệm nên không thể đảm bảo điều kiện sống và sự phát triển toàn diện của cháu **Thiên K1** và **Thiên T1**.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn ông **Trịnh Minh T** trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Ông **T** thống nhất với bà **M** về thời gian hai vợ chồng tìm hiểu nhau, chung sống và đăng ký kết hôn.

Sau khi kết hôn 02 vợ chồng chung sống với gia đình ông **T** tại địa chỉ: **Số H, khu phố Đ, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh** đến cuối tháng 07/2025 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn bà **M** chuyển ra ngoài sinh sống nên vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay.

Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không thấu hiểu và chia sẻ với nhau những khó khăn trong cuộc sống không nên thường xuyên xảy ra cãi vã. Nay, ông **T** xác định vợ chồng không thể tiếp tục chung sống được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông đồng ý ly hôn với bà **M**.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên **Trịnh Thiên K1**, sinh ngày 04/8/2020 và **Trịnh Thiên T1**, sinh ngày 17/9/2022. Nếu Tòa án giải quyết cho 02 vợ chồng ly hôn thì ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu **Trịnh Thiên K1** và đồng ý giao cháu **Trịnh Thiên T1** cho bà **M** trực tiếp nuôi dưỡng. Không ai có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Lý do ông yêu cầu được nuôi cháu **K1** vì: Từ trước đến khi 02 vợ chồng sống ly thân thì các cháu sống chung với vợ chồng ông. Khi đang chung sống với nhau bà **M** nói với ông là 03 mẹ con về quê chơi 02 tuần rồi vào lại nhưng bà **M** đã để 02 cháu ở quê cho ông bà ngoại chăm sóc nuôi dưỡng. Khi đưa các cháu đi bà **M** không trao đổi bàn bạc với ông về việc này. Hiện nay theo ông được biết thì 02 cháu được bà **M** cho đi học mẫu giáo tại Quảng Bình. Ông bà ngoại hiện nay đang trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng 02 cháu nhưng ông bà đã hơn 60 tuổi, già yếu. Bà **Mai S** khi đưa các cháu về quê cho ông bà thì vào lại Thành phố Hồ Chí Minh làm nhân viên bán hàng công ty tư nhân. Thu nhập hiện nay của bà **M** khoảng 14-15 triệu/tháng. Ông yêu cầu được nuôi cháu **K1** vì một mình bà **M** không đủ khả năng để lo cho các cháu, bà **M** không có nhà ở Thành phố Hồ Chí Minh, hiện nay đang ở trọ cùng ông bà.

Về phía mình, ông **T** hiện nay vẫn chung sống với bố mẹ, căn nhà bố mẹ sau này ông bà cũng cho ông nên xét về chỗ ở ông có điều kiện tốt hơn. Công việc của ông hiện nay làm nhân viên văn phòng, thu nhập hàng tháng bình quân khoảng 12-13 triệu/tháng. Với mức thu nhập và công việc như trên thì ông đủ khả năng để nuôi cháu **K1**. Mặt khác, từ khi bà **M** đưa 02 cháu về quê cho ông bà thì việc liên hệ hỏi han chăm sóc con ông không thực hiện được. Mỗi lần ông gọi cho con thì ông bà ngoại không bắt máy nên không thể gặp các cháu. Bà **M** đã vô tình cản trở quyền thăm con của tôi từ đó đến nay. Về phần trình bày của bà **M** về việc ông có nợ nần ở ngoài thì quá trình chung sống do cuộc sống khó khăn nên ông có cầm chiếc xe máy của vợ chồng khoảng 04 lần với số tiền khoảng 13 triệu/lần. Những lần đó thì gia đình ông có đứng ra trả thay lấy xe về, bà **M** có bỏ tiền cùng với gia đình hay không thì ông không rõ. Ông cũng vay tiền qua app trên mạng, do lãi suất cao nên gia đình có phụ giúp trả. Hiện nay các khoản nợ ông đã tất toán xong. Ông xác định tất cả các khoản vay hay cầm đồ đều dùng cho mục đích sinh hoạt, phụ giúp gia đình. Việc bà **M** trình bày ông

chơi game hay cá độ trực tuyến trên mạng là hoàn toàn không đúng sự thật. Đối với việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, thời gian vợ chồng sống ly thân, bà **M** trực tiếp nuôi con chung rồi có đưa các cháu về quê bản thân ông không liên lạc được nên cũng không chu cấp cho bà **M** nuôi các con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông **Hoàng Văn L** và bà **Hoàng Thị H** tại bản tự khai trình bày:*

Ông bà là cha mẹ ruột bà **M**, hiện ông bà đang trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung của 02 vợ chồng. Khi bà **M** đưa cháu về quê cho ông bà thì có nói tạm thời nhờ ông bà chăm sóc cháu trong thời gian bà làm thủ tục khởi kiện ly hôn với ông **T**, đồng thời bà **M** đã lo sắp xếp trường học và các chi phí khác cho các cháu.

*Người làm chứng ông **Trịnh Xuân H1** và bà **Phạm Thị S1** tại phiên tòa trình bày:*

Quá trình chung sống thì vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, ông bà có cùng với bà **M** trả khoản nợ liên quan **ngân hàng V1** và trả tiền chuộc xe cho ông **T**. Tuy nhiên việc ông **T** vay nợ và cầm cố xe là để trang trải cuộc sống gia đình trong giai đoạn gặp dịch vợ chồng ông **T** không kinh doanh được. Bản thân ông bà là người quan tâm, chăm sóc, lo lắng và phụ giúp 02 vợ chồng về kinh tế để nuôi các cháu. Quá trình mâu thuẫn bà **M** đưa các cháu về quê không xin ý kiến ông bà, đồng thời gia đình bên ngoại ngăn cản việc thăm hỏi các cháu. Nay ông bà có ý kiến thống nhất với ý kiến ông **T** đề nghị Tòa án giao cháu **K1** cho ông **T** trực tiếp nuôi dưỡng.

*Người làm chứng bà **Hoàng Thị C** trình bày:*

Quá trình vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn thì bà **M** có hay tâm sự với bà về việc ông **T** cá độ bóng đá, vay nợ bên ngoài bị người khác đòi dẫn đến bố mẹ ông **T** và bà **M** phải đứng ra trả nợ thay. Bà **M** có đưa cho bà xem các tin nhắn liên quan đến việc ông **T** tham gia cá độ đá bóng hay các khoản vay của ông **T**.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày:*

Về điều kiện kinh tế: Ông **T** quá trình chung sống cũng như tại phiên tòa đã thừa nhận có gian dối về kinh tế với bà **M** (đi làm về nhận lương nhưng nói là công ty chậm lương để chi tiêu cá nhân riêng và nợ ở ngoài). Ông **T** chơi cá độ là vi phạm đạo đức và pháp luật. Bản thân ông **T** quá trình chung sống vay nợ và mất khả năng chi trả dẫn tới phải cầm cố xe cộ, ngân hàng đòi ảnh hưởng đến kinh tế của gia đình nên không đảm bảo về mặt kinh tế nếu giao con cho ông **T** nuôi.

Về thời gian chăm sóc, nuôi dưỡng con: Bản thân quá trình các cháu sinh ra và lớn lên bà **M** là người có người thời gian chăm sóc con nhiều hơn, luôn bên cạnh quan tâm và lo cho các cháu. Ông **T** khoảng thời gian dịch bệnh đã không quan tâm chăm sóc vợ con. Mặt khác cháu **K1** là con gái, tuổi còn nhỏ từ trước đến nay 02 cháu lớn lên cùng nhau nên nếu giao cháu **K1** cho ông **T** trực tiếp nuôi dưỡng sẽ ảnh hưởng đến sự phát triển của 02 cháu.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày:*

Thứ nhất: Bà **M** có hành vi gian dối khi tự ý đưa các cháu về quê, âm thầm làm thủ tục chuyển trường nhằm mục đích gây bất lợi cho ông **T** khi tham gia vụ kiện.

Thứ hai: Việc bà **M** trình bày ông **T** cá độ bóng đá là không có chứng cứ chứng minh ảnh hưởng đến ông **T**.

Thứ ba: Về kinh tế thì thực tế thời gian bà **M** sinh con và nuôi con thì ông **T** là người trực tiếp đi làm lo cho vợ con chứng tỏ ông **T** có lo lắng cho vợ con.

Thứ tư: Về các chứng cứ nguyên đơn cung cấp về xác nhận việc làm, mức thu nhập thì chứng cứ này cần xem xét, xác minh lại để đảm bảo vấn đề kinh tế nguyên đơn trình bày là đúng.

Thứ năm: Về nội dung mẹ nuôi con tốt hơn hiện nay không có bất kỳ quy định nào của pháp luật quy định về vấn đề này, quyền và nghĩa vụ của bố mẹ với con là ngang nhau.

Thứ sáu: Quá trình giải quyết vụ án bà **M** đã lấy các cháu ra đàn áp, gập áp lực ngăn cản quyền thăm nuôi con của ông bà nên cần xem xét lại vấn đề đạo đức. Liệu người mẹ như bà **M** có đảm bảo việc nuôi dạy các cháu không.

Do đó căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1, 2 Điều 6 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông **T**.

*Tại Bản án sơ thẩm số 22/2026/HNGĐ-ST ngày 13 tháng 01 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực S, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:*

Áp dụng vào các Điều 51, 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Áp dụng Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Hoàng Thị M** về việc ly hôn, nuôi con với bị đơn ông **Trịnh Minh T**.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà **Hoàng Thị M** và ông **Trịnh Minh T** thuận tình ly hôn (Theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 07/2020 do Ủy ban nhân dân phường V, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường B, Thành Phố Hồ Chí Minh) cấp ngày 12/02/2020).

- Về con chung: Buộc ông **Trịnh Minh T** giao 02 con chung tên **Trịnh Thiên K1**, sinh ngày 04/8/2020 và **Trịnh Thiên T1**, sinh ngày 17/9/2022 cho bà **Hoàng Thị M** trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự nguyện của bà **Hoàng Thị M** về việc không yêu cầu ông **Trịnh Minh T** có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Sau ly hôn, ông **Trịnh Minh T** và bà **Hoàng Thị M** có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở ông, bà thực hiện quyền này. Vì quyền lợi hợp pháp của con, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu giải quyết.

2. Về án phí: Bà **Hoàng Thị M** phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn được khấu trừ hết vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0021886 ngày 01/10/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố H.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án theo luật định.

Ngày 26/01/2026, ông **Trịnh Minh T** kháng cáo một phần bản án sơ thẩm.

*Tại phiên tòa phúc thẩm:*

*Nguyên đơn bà M trình bày:* Bà giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bà yêu cầu y án sơ thẩm, không đồng ý giao con cho ông **T** nuôi dạy, do hiện hai con chung từ khi sinh ra cho đến nay đã sống cùng nhau và bà là người tiếp chăm sóc con, thời gian bà về quê ở Quảng Trị ông không thăm hỏi và không gửi tiền về nuôi con, do ông không có việc làm, nên tại Tòa đối với yêu cầu nuôi con tên **Thiên Kim B** không đồng ý, nếu ông **T** cho rằng bà về quê sinh sống quá xa, thì sau khi ly hôn, bà có thể sắp xếp đưa hai con trở lại thành phố sinh sống, nhưng phải cho bà đến kỳ nhập học năm mới vì hiện nay các cháu đang đi học không thể nghỉ học được.

*Bị đơn ông T trình bày:* Ông giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị sửa bản án sơ thẩm về con chung, ông yêu cầu giao trẻ **Trịnh Thiên K1**, sinh năm 2020 cho ông trực tiếp nuôi dưỡng. Ông cho rằng bà **M** đã ngăn cản không cho ông liên lạc và gặp các con, bà **M** mang con về quê, ông không có điều kiện để gặp được con, nên nếu giao con cho ông nuôi thì về thực tế ông vẫn để con cho bà **M** tiếp tục nuôi, không tách hai bé ra, nhưng về pháp lý ông là người trực tiếp nuôi trẻ **Thiên Kim**; ông không yêu cầu bà **M** cấp dưỡng nuôi con.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày:* Bà **M** không đồng ý để ông **T** nuôi 01 con trên giấy tờ pháp lý, nếu không tuyên giao quyền nuôi con cho ông **T** trong bản án thì không có cơ sở để buộc bà **M** đưa con vào thành phố như lời bà **M** trình bày. Để có sợi dây kết nối giữa 02 gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giao trẻ **Thiên K1** cho ông **T** trên bản án, sau khi kết thúc phiên tòa ông **T** vẫn đồng ý giao trẻ **K1** cho bà **M** nuôi trên thực tế.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu trình bày ý kiến:*

*Về tố tụng:*

Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý vụ án phúc thẩm là đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Ngày 13/01/2026, Tòa án nhân dân Khu vực S, Thành phố Hồ Chí Minh đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm và tuyên án. Ngày 26/01/2026, ông **Trịnh Minh T** kháng cáo một phần bản án sơ thẩm và đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm. Căn cứ khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì còn trong thời hạn kháng cáo nên chấp nhận về mặt hình thức.

*Về nội dung:*

Tại cấp sơ thẩm cũng như tại đơn kháng cáo, ông **Trịnh Minh T** đề nghị giao con chung là trẻ **Trịnh Thiên K1**, sinh ngày 04/8/2020 cho ông trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Xét thấy, cha mẹ có nghĩa vụ và quyền ngang nhau trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung chưa thành niên. Tuy nhiên, khi giải quyết việc ai là người trực tiếp nuôi dưỡng, cần xem xét đến sự phát triển toàn diện của con chưa thành niên để quyết định việc giao con cho cha hoặc mẹ trực tiếp nuôi dưỡng.

Về điều kiện nuôi dưỡng chăm sóc con chung, ông T, bà M đều có điều kiện ngang nhau, hai bên đều có việc làm, chỗ ở ổn định. Tuy nhiên, từ trước đến khi hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn 02 trẻ đều sống chung, lớn lên cùng nhau và bà M là người trực tiếp, chăm sóc nuôi dưỡng. Mặc dù, hiện nay các cháu đã về quê nhưng bà M đã lo cuộc sống, chỗ ở, người chăm sóc, việc học hành đầy đủ, đảm bảo cho sự phát triển của trẻ. Sau khi, thu xếp công việc và vụ kiện ly hôn với ông T xong, thì bà M cũng sẽ về quê làm việc và sẽ trực tiếp chăm sóc, nuôi dạy các cháu.

Đối với ông T, bản thân ông cũng thừa nhận quá trình chung sống có vay tiền qua app trên mạng và nợ ở ngoài dẫn tới việc phải cầm cố xe máy là tài sản của vợ chồng khiến gia đình nhiều lần bỏ tiền chuộc xe về. Từ khi 02 trẻ về quê đến nay, ông T cũng không về thăm hoặc chu cấp cho 02 trẻ.

Từ các phân tích trên, cũng như trẻ K1 còn nhỏ nên để đảm bảo sự phát triển tốt nhất và tránh xáo trộn làm ảnh hưởng về mặt tâm, sinh lý của trẻ. Tòa sơ thẩm, giao 02 trẻ cho bà M nuôi dưỡng chăm sóc là phù hợp.

Tại đơn kháng cáo, bị đơn không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ mới.

Từ các căn cứ trên, đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả hỏi, trình luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:*

#### *1/ Về tố tụng:*

Ngày 13/01/2026, Tòa án nhân dân Khu vực S, Thành phố Hồ Chí Minh đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm và tuyên án. Ngày 26/01/2026, ông Trịnh Minh T kháng cáo một phần bản án sơ thẩm và đã tạm ứng án phí phúc thẩm. Căn cứ vào khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đơn kháng cáo của ông Trịnh Minh T trong thời hạn luật định và hợp lệ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét.

#### *2/ Về nội dung:*

Bị đơn ông Trịnh Minh T kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu sửa án về việc giao con chung là trẻ Trịnh Thiên K1, sinh năm 2020 cho ông trực tiếp nuôi dạy, không yêu cầu bà M cấp dưỡng cho con.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, bà M giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, hai bên không có hòa giải về con chung.

#### *Hội đồng xét xử phúc thẩm xét:*

Căn cứ vào Giấy khai sinh số 196/2020, ngày 07/08/2020 và Giấy khai sinh số 471/2022, ngày 27/10/2022, do Ủy ban nhân dân phường V, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh) cấp, hai trẻ Trịnh Thiên K1, sinh ngày 04/08/2020 (giới tính: Nữ) và trẻ Trịnh Thiên T1, sinh ngày 17/09/2022 (giới tính: Nữ), là con của ông Trịnh Minh T và bà Hoàng Thị M; cấp sơ thẩm giao hai trẻ cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng và tạm hoãn cấp dưỡng cho con đối với ông T do bà M không yêu cầu. Ông T kháng cáo yêu cầu được nuôi trẻ Thiên Kim sinh năm 2020.

Xét về điều kiện kinh tế thu nhập của hai bên, đủ khả năng nuôi dạy con chung, về chỗ ở ổn định sau khi ly hôn cả hai bên đều đảm bảo cho các trẻ ổn định sinh sống,

học tập sau khi cha mẹ ly hôn. Việc cha mẹ yêu cầu nuôi con sau khi ly hôn cho thấy tình yêu thương của cha mẹ giành cho các con là có, nhưng thực tế hai trẻ từ khi sinh ra cho đến nay đều chung sống cùng nhau, độ tuổi sinh học thì hai bé là nữ gần tuổi với nhau, có thể chơi cùng nhau, nếu chấp nhận đơn kháng cáo của ông T giao một trẻ cho ông nuôi, thì phải tách hai trẻ ra, điều này làm ảnh hưởng nhiều đến tâm lý của các trẻ sau khi cha mẹ ly hôn. Căn cứ vào điểm e khoản 1 Điều 06 Nghị quyết 01/2024, ngày 16/05/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, khi xem xét “quyền lợi về mọi mặt của con” quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình phải đánh giá khách quan, toàn diện tiêu chí “*Nguyên vọng của con được ở cùng với anh, chị, em (nếu có) để bảo đảm ổn định tâm lý và tình cảm của con*”. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không tách hai trẻ ra, không chấp nhận yêu cầu của ông T giao cho cha mẹ mỗi người nuôi một con chung. Vì vậy, việc cấp sơ thẩm giao hai con chung cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng nghị và kháng cáo, đã phát sinh hiệu lực, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

Về án phí sơ thẩm: Giữ nguyên như bản án sơ thẩm; án phí phúc thẩm ông T phải nộp.

Với những chứng cứ trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng vào khoản 1 điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Áp dụng vào các Điều 51, 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Áp dụng Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông **Trịnh Minh T.**

Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

**1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hoàng Thị M về việc ly hôn, nuôi con đối với bị đơn ông Trịnh Minh T.**

- Về quan hệ hôn nhân: Bà **Hoàng Thị M** và ông **Trịnh Minh T** thuận tình ly hôn. Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 07/2020 do Ủy ban nhân dân phường V, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường B, Thành Phố Hồ Chí Minh) cấp ngày 12/02/2020 hết hiệu lực; Quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà M chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Buộc ông **Trịnh Minh T** giao 02 con chung tên **Trịnh Thiên K1**, sinh ngày 04/8/2020 (giới tính: Nữ) và **Trịnh Thiên T1**, sinh ngày 17/9/2022 (giới tính: Nữ) cho bà **Hoàng Thị M** trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà **Hoàng Thị M** về việc không yêu cầu ông **Trịnh Minh T** có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

Sau ly hôn, ông **Trịnh Minh T** và bà **Hoàng Thị M** có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở ông, bà thực hiện quyền này. Vì quyền lợi hợp pháp của con, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu giải quyết.

## 2. Về án phí:

Án phí sơ thẩm: Bà **Hoàng Thị M** phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn được khấu trừ hết vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0021886 ngày 01/10/2025 của Thi hành **án dân sự Thành phố H.**

Án phí phúc thẩm: Ông **T** phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được căn trừ vào số tiền tạm ứng án theo biên lai thu số 0008214 ngày 27/01/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Ông **T** đã nộp đủ án phí.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

### **Nơi nhận:**

- TAND Tối cao;
- VKSND Tối cao;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Khu vực S;
- Chi cục THADS Khu vực S;
- Các đương sự;
- Lưu: VT; Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Võ Thị Mỹ Hạnh**